

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ Q
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2024/HNGĐ-ST;
Ngày: 12-01-2023
V/v tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Q, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Thu Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Tất Ái.

2/ Bà Lê Thị Bé Bảy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trọng, thư ký Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q tham gia phiên tòa: Bà Phạm Trà My - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Q xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 533/2023/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 151/2023/QĐXX-ST ngày 26 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Nguyệt T1** - sinh năm: 1984.

Địa chỉ: ấp Thới Thạnh, xã N, thành phố Q, tỉnh Tiền Giang.

*** Bị đơn: Anh Võ Thanh T2** - sinh năm: 1983.

Địa chỉ: Số 14/8A Huỳnh Tịnh Của, Phường M, thành phố Q, Tiền Giang.

(Chị T1 có mặt, anh T2 vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị Nguyệt T1 trình bày: Chị và anh T2 sống chung vào năm 2011, do hai bên tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 3 vào ngày 12/10/2011. Cuộc sống chung của vợ chồng anh rất hạnh phúc, nhưng đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng ý kiến trong cuộc sống chung, thường xuyên cự cãi. Anh chị đã ly thân từ năm 2013 cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu được ly hôn với anh T2.

Về con chung: Có 02 con chung tên Võ Thái D, sinh ngày 08/7/2013 và Võ Thái An A1, sinh ngày 05/11/2014. Hiện hai con chung đang sống chung với chị T1. Khi ly hôn, chị yêu cầu nuôi hai con chung và yêu cầu anh T2 cấp dưỡng nuôi con chung, mỗi tháng 3.000.000 đồng/một cháu cho đến khi hai con chung đủ 18 tuổi lao động được.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên chị không yêu cầu giải quyết.

* Bị đơn anh Võ Thanh T2 trình bày:

Về tình cảm: Anh thống nhất với nội dung trình bày của chị T1 về thời gian cưới nhau, đăng ký kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn và thời gian ly thân. Nay chị T1 xin ly hôn, anh đồng ý.

Về con chung: Có hai con chung như chị T1 trình bày. Hiện tại hai con đang sống với chị T1. Khi ly hôn, anh yêu cầu nuôi hai con chung và không yêu cầu chị T1 cấp dưỡng nuôi hai con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên chị không yêu cầu giải quyết.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa. Về nội dung xét thấy chị T1 và anh T2 thống nhất thuận tình ly hôn nên đề nghị Tòa án nghị nhận. Về con chung đề nghị Tòa án giao hai con chung cho chị T1 nuôi dưỡng và anh T2 có nghĩa vụ cấp dưỡng theo yêu cầu của chị T1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự.

[1] Về quan hệ pháp luật: Chị T1 khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh T2, giải quyết vấn đề con chung của anh chị. Do đó, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn, nuôi con chung” theo quy định tại Điều 51 và Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn đang cư trú tại số 14/8/ Huỳnh Tịnh Của, Phường 7, thành phố Q, tỉnh Tiền Giang nên Tòa án nhân dân thành phố Q có thẩm quyền giải quyết vụ án là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về thủ tục tố tụng: Anh Võ Thanh T2 có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, do đó căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh T2 theo quy định.

[4] Đối với yêu cầu xin ly hôn của chị T1, Tòa xét thấy: Tại phiên tòa, chị T1 trình bày nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng ý kiến, thường xuyên cự cãi nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, anh chị đã ly thân từ năm 2013. Nay chị T1 yêu cầu được ly hôn với anh T2. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại Bản

tự khai ngày 12/01/2024, anh T2 đồng ý với yêu cầu ly hôn của chị T1 nên Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T1.

[5] Về con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị T1 và anh T2 cùng yêu cầu nuôi hai con, đồng thời anh chị cùng thống nhất giao hai con chung cho một người nuôi dưỡng. Tuy nhiên tại bản tự khai ngày 12/01/2024, anh T2 đồng ý giao hai con chung cho chị T1 nuôi dưỡng và đồng ý với mức cấp dưỡng mà chị T1 yêu cầu. Xét thấy, hiện tại cháu D và cháu An đang sống ổn định với chị T1. Do đó yêu cầu nuôi hai con chung của chị T1 là có cơ sở và phù hợp với nguyện vọng của hai con chung nên Tòa án chấp nhận.

Về tiền cấp dưỡng nuôi hai con chung: Chị T1 yêu cầu anh T2 cấp dưỡng nuôi hai con chung, mỗi tháng 3.000.000 đồng/một cháu cho đến khi hai con đủ 18 tuổi lao động được. Xét thấy, hiện tại anh T2 đang làm giám sát kinh doanh cho Công ty TNHH European Snack Food, thu nhập hàng tháng của anh T2 là 17.500.000 đồng. Do đó yêu cầu cấp dưỡng nuôi hai con chung của chị T1 là có cơ sở nên Tòa án chấp nhận.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị khai không có nên Tòa án không xem xét.

[7] Về án phí: Chị T1 và anh T2 phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

[8] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm xét thấy phù hợp với những nhận định trên nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 147 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 51, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Nguyệt T1.

Về tình cảm: Chị Phạm Thị Nguyệt T1 được ly hôn với anh Võ Thanh T2.

Về con chung:

- Giao hai con chung tên Võ Thái D, sinh ngày 08/7/2013 và Võ Thái An A1, sinh ngày 05/11/2014 cho chị Phạm Thị Nguyệt T1 được tiếp tục nuôi dưỡng.

- Anh Võ Thanh T2 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai chung, mỗi tháng 3.000.000 đồng/một cháu cho đến khi hai con chung đủ 18 tuổi lao động được.

- Anh Võ Thanh T2 được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục hai con chung sau khi ly hôn, không ai được quyền cản trở.

2. Án phí:

Chị Phạm Thị Nguyệt T1 phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0024290 ngày 04/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Q.

Anh Võ Thanh T2 phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Chị Phạm Thị Nguyệt T1 có quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với anh Võ Thanh T2 thời hạn trên tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND thành phố Q;
- Chi cục THADS thành phố Q;
- UBND Phường M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn (8b).

(Đã ký)

Cao Thị Thu Thủy